

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN  
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ  
Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG  
TRƯỜNG MẦM NON TOÀN THẮNG

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm: 2024 (tháng 9/2024)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên trường: **TRƯỜNG MẦM NON TOÀN THẮNG**
- Địa điểm trụ sở chính: Trường mầm non Toàn Thắng có 1 điểm trường, được đặt gần trung tâm xã, điểm chính tại thôn Đốc Hành xã Toàn Thắng- Tiên Lãng, Hải Phòng,
- Đoại thoại: Số điện thoại 02253583721; địa chỉ trang điện tử: [tl-mntoanthang@haiphong.edu.vn](mailto:tl-mntoanthang@haiphong.edu.vn); Website: [mntoanthangtlhp.edu.vn](http://mntoanthangtlhp.edu.vn)
- Quá trình thành lập và phát triển: Trường được thành lập từ năm 1977 gọi là trường mẫu giáo, đến năm 1991 trên cơ sở hợp nhất các lớp nhà trẻ, mẫu giáo nay gọi là trường mầm non;

|                                                  |                 |                       |                                                                      |
|--------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương             | Hải Phòng       | Họ và tên hiệu trưởng | Đào Thị Thoáng                                                       |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố                   | Huyện Tiên Lãng | Điện thoại            | 02253583721                                                          |
| Xã /phường /thị trấn                             | Toàn Thắng      | Fax                   |                                                                      |
| Đạt CQG                                          | Mức độ 1        | Website               | <a href="http://mntoanthangtlhp.edu.vn">mntoanthangtlhp.edu.vn</a> . |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1997            | Số điểm trường        | 1                                                                    |
| Công lập                                         | x               | Loại hình             | 1                                                                    |

|                                |       |
|--------------------------------|-------|
| Tư thực                        | Không |
| Trường chuyên biệt             | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |

|                              |       |
|------------------------------|-------|
| Thuộc vùng khó khăn          | Không |
| Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
|                              |       |

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 3051/QĐ- UBND ngày 6 tháng 9 năm 2023 của Ủy Ban Nhân dân huyện Tiên Lãng về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non Toàn Thắng nhiệm kỳ 2021- 2026;

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

|                                          | Tổng số   | Nữ        | Dân tộc  | Trình độ đào tạo |           |                                 | Ghi chú                                            |
|------------------------------------------|-----------|-----------|----------|------------------|-----------|---------------------------------|----------------------------------------------------|
|                                          |           |           |          | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn (Đại học sư phạm MN) |                                                    |
| Hiệu trưởng                              | 01        | 01        | 0        | 0                | 0         | 01                              |                                                    |
| Phó hiệu trưởng                          | 02        | 02        | 0        | 0                | 0         | 02                              |                                                    |
| Giáo viên                                | 18        | 18        | 0        | 0                | 4         | 14                              | Tỷ lệ 2 GV/ lớp                                    |
| Nhân viên                                | 5         | 5         | 0        | 2                | 1         | 2                               | 1 kế toán; 04 nhân viên phục vụ nấu ăn             |
| Số CBQL, GV hoàn thành chương trình BDTX | 22        | 22        | 0        | 0                | 4         | 17                              | Loại giỏi: 18/22 đạt 82%<br>Loại khá: 4/22 đạt 18% |
| <b>Cộng</b>                              | <b>26</b> | <b>26</b> | <b>0</b> | <b>2</b>         | <b>5</b>  | <b>19</b>                       |                                                    |

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có diện tích đất rộng 2.369.9m<sup>2</sup> với diện tích đất bình quân 12.3m<sup>2</sup>/trẻ đảm bảo điều kiện diện tích đất theo tiêu chuẩn quy định. Trường có đủ khối phòng hành chính- quản trị, khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập, khối phòng tổ chức ăn cho trẻ đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất Mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT- BGDDT ngày 26/5/2020. Các lớp học sạch sẽ, trang trí sáng đẹp có đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học đạt trên 90% đồ dùng theo danh mục tối thiểu, có đủ nhà vệ sinh phục vụ cho trẻ.

| TT         | Số liệu                                                   | Năm học<br>2023-2024 | Năm học<br>2024-2025 | So sánh                                                                                       |
|------------|-----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo                         | 9                    | 9                    |                                                                                               |
| 1          | Phòng kiên cố                                             | 0                    | 0                    |                                                                                               |
| 2          | Phòng bán kiên cố                                         | 0                    | 0                    |                                                                                               |
| 3          | Phòng tạm                                                 | 0                    | 0                    |                                                                                               |
| <b>II</b>  | Khối phòng phục vụ học tập (âm nhạc, thể chất, tiếng anh) | 3                    | 03                   |                                                                                               |
| 1          | Phòng kiên cố                                             | 02                   | 02                   |                                                                                               |
| 2          | Phòng bán kiên cố                                         | 01                   | 01                   |                                                                                               |
| 3          | Phòng tạm                                                 | 0                    | 0                    |                                                                                               |
| <b>III</b> | Khối phòng hành chính quản trị                            | 13                   | 13                   | 01 phòng HT, 02 phòng PHT, 01 phòng hành chính, 01 Hội trường, 01 phòng bảo vệ, 01 phòng nhân |

|            |                                                                                              |                         |                          |                                                      |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------|
|            |                                                                                              |                         |                          | viên, 06 phòng vệ sinh                               |
| 1          | Phòng kiên cố                                                                                | 13                      | 13                       |                                                      |
| 2          | Phòng bán kiên cố                                                                            | 0                       | 0                        |                                                      |
| 3          | Phòng tạm                                                                                    | 0                       | 0                        |                                                      |
| <b>IV</b>  | Khối phòng tổ chức ăn                                                                        | 1                       | 01                       |                                                      |
| 1          | Phòng kiên cố                                                                                | 0                       | 0                        |                                                      |
| 2          | Phòng bán kiên cố                                                                            | 1                       | 01                       |                                                      |
| 3          | Phòng tạm                                                                                    | 0                       | 0                        |                                                      |
| <b>V</b>   | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)                                           | 2                       | 02                       |                                                      |
| <b>VI</b>  | Số lượng các thiết bị đồ dùng đồ chơi trong lớp hiện có đạt trên 90% theo danh mục tối thiểu | 7                       | 07                       | Có 02 lớp 5 tuổi, 02 lớp 4 tuổi, 2 lớp 3 tuổi và CTA |
|            | Số lượng các thiết bị đồ dùng đồ chơi trong lớp hiện có đạt dưới 90% theo danh mục tối thiểu | 02                      | 02                       | 02 lớp CTB và 01 lớp Nhà trẻ CN                      |
| <b>VII</b> | Số lượng các thiết bị đồ chơi ngoài trời                                                     | 12 cái (10 loại đồ chơi | 10 cái (09 loại đồ chơi) |                                                      |

|  |             |    |    |  |
|--|-------------|----|----|--|
|  | <b>Cộng</b> | 42 | 40 |  |
|--|-------------|----|----|--|

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

\* Theo kết luận của đoàn kiểm tra đánh giá ngoài ngày 1 tháng 3 năm 2021, trường đạt kết quả cụ thể:

*Số lượng, tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3;*

Tiêu chí đạt mức 1: 25/25 tỉ lệ 100%;

Không đạt mức 1: 00 tỉ lệ 00%;

Tiêu chí đạt mức 2: 25/25 tỉ lệ 100%;

Không đạt mức 2: 00 tỉ lệ 00%;

Tiêu chí đạt mức 3: 19/19 tỉ lệ 100%;

Không đạt mức 3: 00 tỉ lệ 00%.

*Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4;*

Tiêu chí đạt mức 4: 00/00 tỉ lệ 00%;

Không đạt mức 4: 06/06 tỉ lệ 100%

Mức đánh giá của đoàn đánh giá ngoài: Mức 2.

+ Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 2** theo quyết định số 555/QĐ-SGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Sở giáo dục Đào tạo Hải Phòng về việc công nhận trường mầm non Toàn Thắng đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Trường đạt chuẩn Quốc gia **Mức độ 1** theo quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Phòng về việc cấp bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 cho trường Mầm non Toàn Thắng

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

| Nội dung thực hiện                                  | Năm học 2023- 2024                  |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>HỌC SINH</b>                                     |                                     |
| Tổng số học sinh                                    | 195/9 lớp ( đạt chỉ tiêu)           |
| Kết quả lên lớp                                     | 195/195 tỷ lệ 100% (đạt chỉ tiêu)   |
| Trẻ được chăm sóc nuôi dưỡng an toàn                | 195/195 tỷ lệ 100% (đạt chỉ tiêu)   |
| Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường | 195/195 tỷ lệ 98,8% (vượt chỉ tiêu) |
| Trẻ đạt Bé sạch                                     | 195/195 tỷ lệ 100% (Đạt chỉ tiêu)   |

|                                          |                                                                                                                              |
|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trẻ đạt Bé chăm                          | 195/195 tỷ lệ 100% (Vượt chỉ tiêu)                                                                                           |
| Trẻ đạt Bé ngoan (tính trẻ mẫu giáo)     | 195/195 tỷ lệ 100%; 59/195 trẻ đạt Bé ngoan xuất sắc, tỷ lệ 58.5% (Vượt chỉ tiêu)                                            |
| Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN  | Đạt 58/58 trẻ, Tỷ lệ 100% (đạt chỉ tiêu)                                                                                     |
| Huy động trẻ trong địa bàn               | Trẻ 0-2 tuổi 62/107 tỷ lệ 58%; Trẻ 3-5 tuổi 194/175 tỷ lệ 110,9% (vượt chỉ tiêu)                                             |
| Chất lượng 05 lĩnh vực phát triển        | + Tổng số trẻ được đánh giá Đạt : 169 cháu = 87%<br>+ Tổng số trẻ đánh giá Cần cố gắng là: 25 cháu = 13%                     |
| Đạt giải các hội thi cấp huyện, cấp tỉnh | + Giáo viên giỏi cấp huyện: 3GV<br>+ Hội thi thiết kế video kho học liệu ATGT cấp huyện: 9 video<br>+ SKKN cấp huyện: 12 bản |

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- + Bán trú thu, chi 09 tháng (09/2023-05/2024) tổng số tiền thu: 582.620.000 đồng
- +Trường thực hiện đầy đủ chế độ chính sách dành cho trẻ 02 lần/ năm học theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND với tổng số tiền là 131.711.250
- +Trường thực hiện thu tiền học phí theo hình thức thu thanh toán không dùng tiền mặt.
- + Năm học 2023-2024: Trường thực hiện cải tạo, sửa chữa.... .Tổng kinh phí thực hiện: hơn 50 triệu đồng

## **V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

- Trong năm học, đơn vị phối hợp công đoàn vận động viên chức tham gia đóng quỹ: Quỹ phòng chống thiên tai 845.000 đồng,
- Quỹ Mái ấm Công đoàn: 1.560.000 đồng,
- Quỹ Hội người cao tuổi 1.000.000,
- Quỹ nghĩa tình 520.000 đồng
- Quỹ hỗ trợ giáo viên miền núi vùng sâu, vùng xa: 3.705.133 đồng
- Quỹ khuyến học: 3.894.483 đồng
- Quỹ vì người nghèo: 3.772.183 đồng

Ngoài ra, các giáo viên, nhân viên còn thực hiện tích cực các phong trào tình nguyện hiến máu nhân đạo, thăm hỏi gia đình chính sách, tặng quà Tết cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tích cực thực hiện công tác phối hợp với cha mẹ trẻ và các đoàn thể vận động mạnh thường quân đóng góp (hiện vật hoa kiểng cho góc thiên nhiên 9 lớp, dụng cụ phục vụ bán trú gồm bát, thìa, ca, khăn....; phụ huynh hỗ trợ làm bổ sung đồ chơi cho trẻ theo chủ đề, làm đồ chơi ngoài trời, quà tổ chức các phong trào cho trẻ, quà tặng trẻ có hoàn cảnh khó khăn, quà khen thưởng trẻ cuối năm học. Trường thực hiện đầy đủ hồ sơ theo dõi và công khai đến phụ huynh và hội đồng sư phạm

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2024 của trường Mầm non Toàn Thắng./.

### **Nơi nhận:**

Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng;  
UBND xã Toàn Thắng;  
Lưu VT./

**P. HIỆU TRƯỞNG**

**Nghiêm Thị Thùy**